TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17/9/2024
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Văn Thị Thu Vân;
2. Ông Nguyễn Văn Thám.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Diễm K, sinh năm 1999; nơi thường trú: Tổ B, phường T, thị xã A, tinh G; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn T, sinh năm 1998; nơi thường trú: Tổ D, phường A, thị xã A, tinh G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm K trình bày: Chị K và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn và đăng kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường T2, thị xã A, tỉnh Gia LaiVợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và tình trạng mâu thuẫn ngày càng nặng nề hơn. Đến năm 2021 thì vợ chồng chị không còn chung sống cùng nhau, hiện nay tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, do vậy chị K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Lê Văn T1

Về việc nuôi con: Chị K và anh T có 01 con chung là Lê Nguyễn Khả N ngày 11/9/2018. Chị K yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Lê Văn T mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo các triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Diễm K ly hôn với anh Lê Văn T1 Giao cho chị K trực tiếp nuôi con là cháu Lê Nguyễn Khả N1. Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm K yêu cầu ly hôn, có tranh chấp về nuôi con với anh Lê Văn T; nơi thường trú: Tổ D, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lê Văn T1

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm K và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị K và anh T có phát sinh mâu thuẫn nên chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1 Theo kết quả xác minh thì vợ chồng chị K và anh T trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn hiện không còn chung sống cùng nhau. Nhiều lần Tòa án thông báo hòa giải nhưng anh T không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị K. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm K với anh Lê Văn T1

[4] Về việc nuôi con: Chị K và anh T có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Khả N ngày 11/9/2018. Chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu

anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu N hiện đang do chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chị K đang trong độ tuổi lao động, có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị K, giao cho chị K trực tiếp nuôi cháu N, cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và tự lập được.

Chị K không yêu cầu anh Trung cấp dnuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm K cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị Diễm K ly hôn với anh Lê Văn T1

2. Về việc nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Diễm K trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Nguyễn Khả N ngày 11/9/2018, khi cháu N chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013117 ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 17/9/2024. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường T (để ghi vào sổ hộ tịch, quyển số 86 năm 2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo